CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Viglacera Tiên Sơn

Ngày 30/06/2025	18,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.2%	**-1.2%**	**-1.2%**

DT thuần
Q2/25
549
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 175| 46.7%
YoY: ▲ 44.0| 8.7%

LN thuần
Q2/25
27.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 36.8| 412%
YoY: ▲ 7.80| 39.0%

LN sau thuế
Q2/25
24.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 33.2| 370%
YoY: ▲ 3.90| 19.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
9.0%
YoY: +/-▲ 5.8%

ROE (TTM)
Q2/25
13.7%
YoY: +/-▲ 0.1%

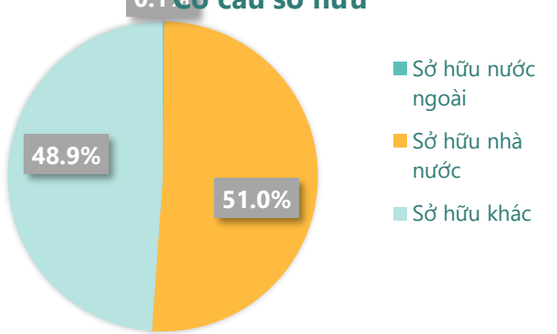
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	15,717 - 20,640
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	935
Số lượng CPLH (CP)	49,999,664
KLGD BQ 20 phiên (CP)	69,663
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.41
EPS	1,659
P/E	11.3

DT thuần
6T 2025
923
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 39.0| 4.4%

LN thuần
6T 2025
19.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.2| 256%

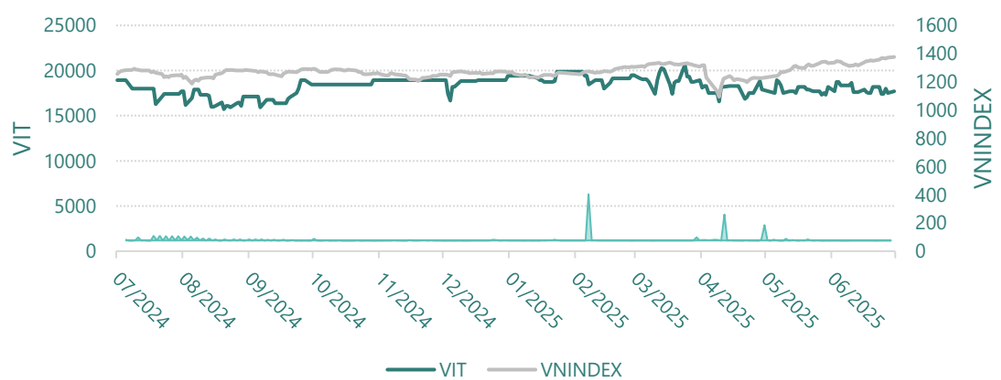
LN sau thuế
6T 2025
15.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.3| 228%

Cơ cấu sở hữu

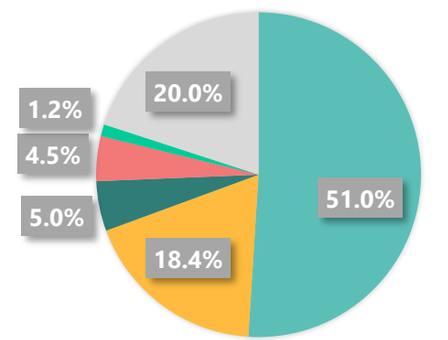


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

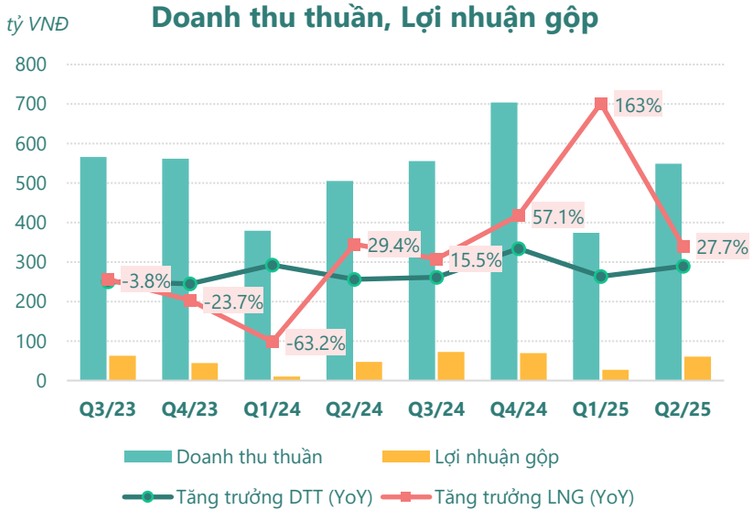




(Nguồn: fireant.vn)

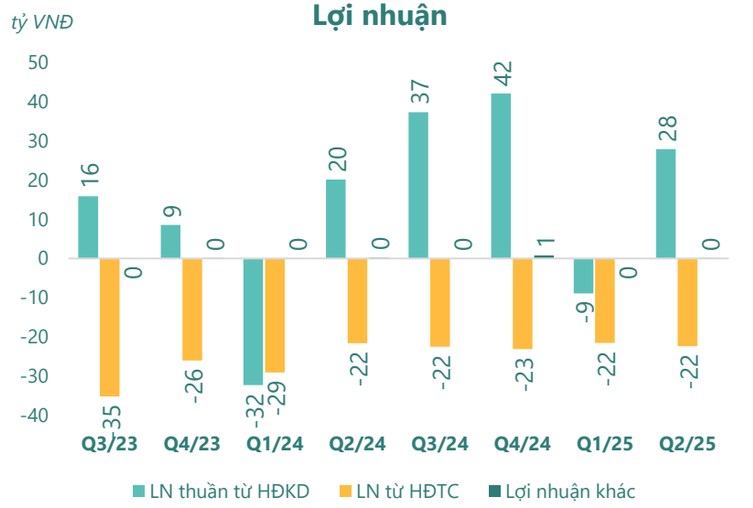
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



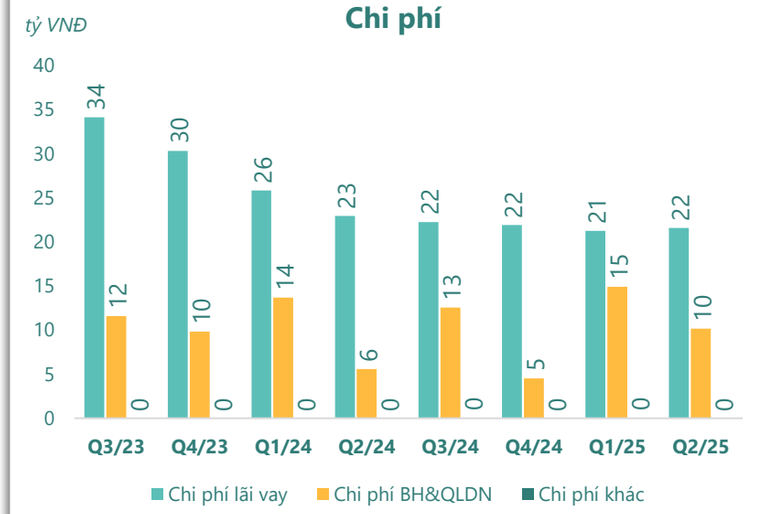
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



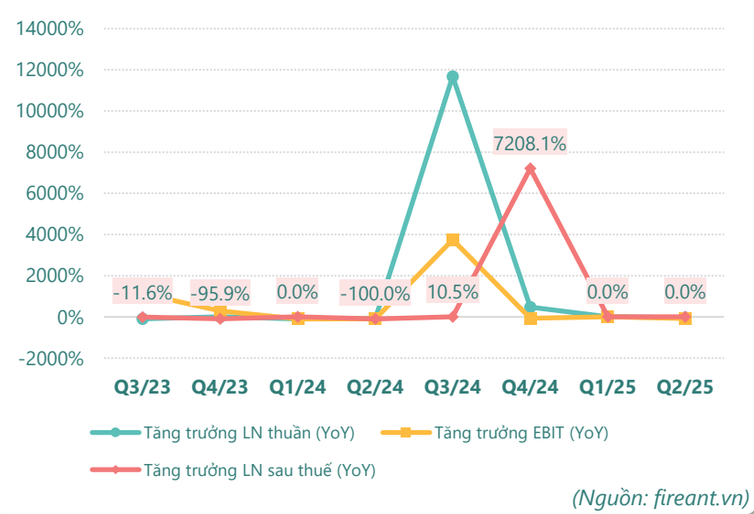
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



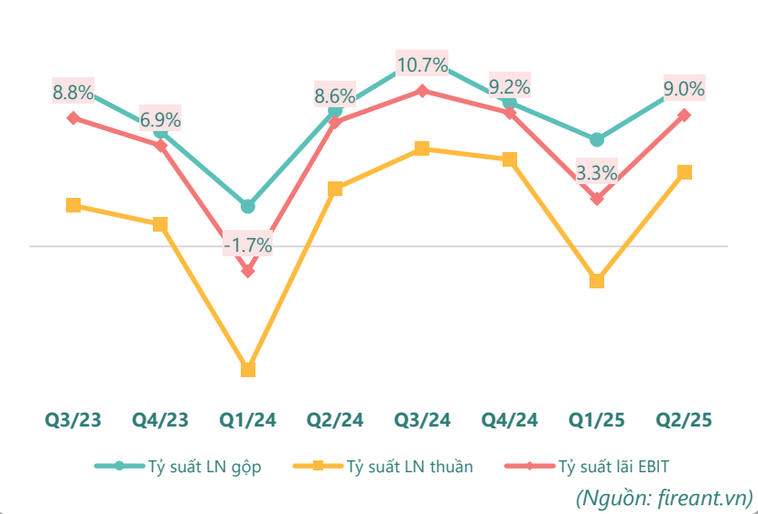
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



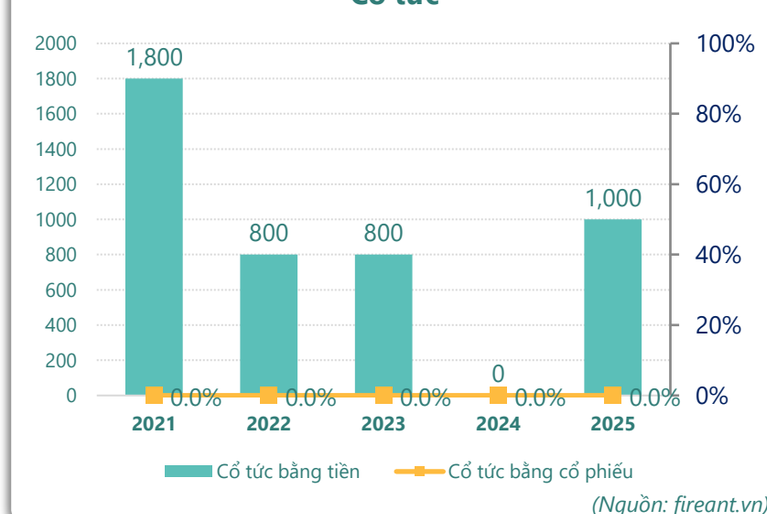
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

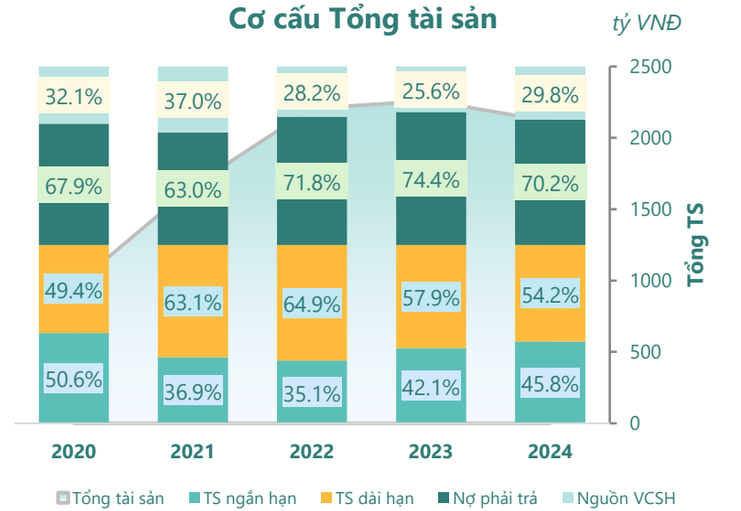
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

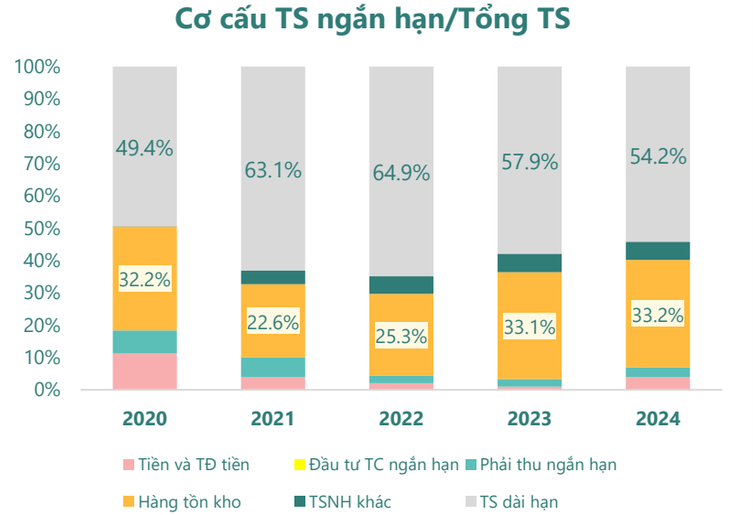
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



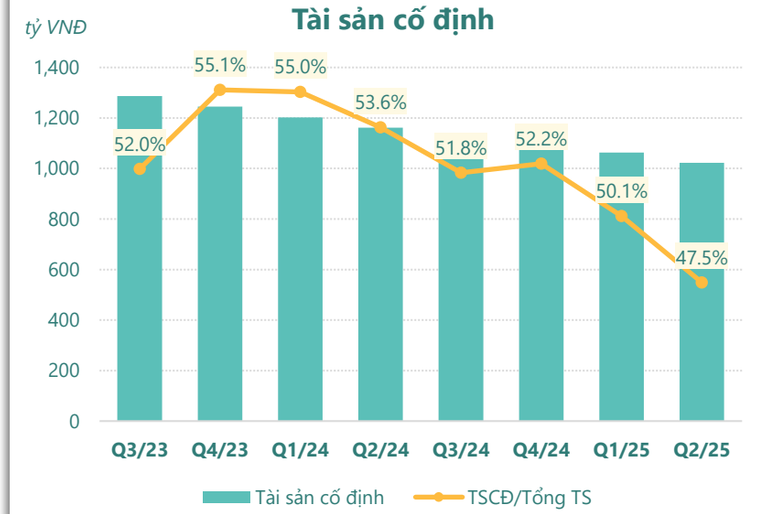
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



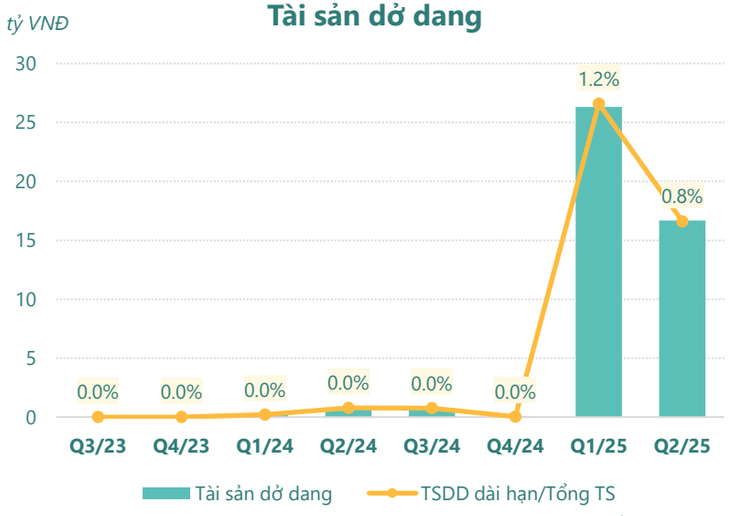
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



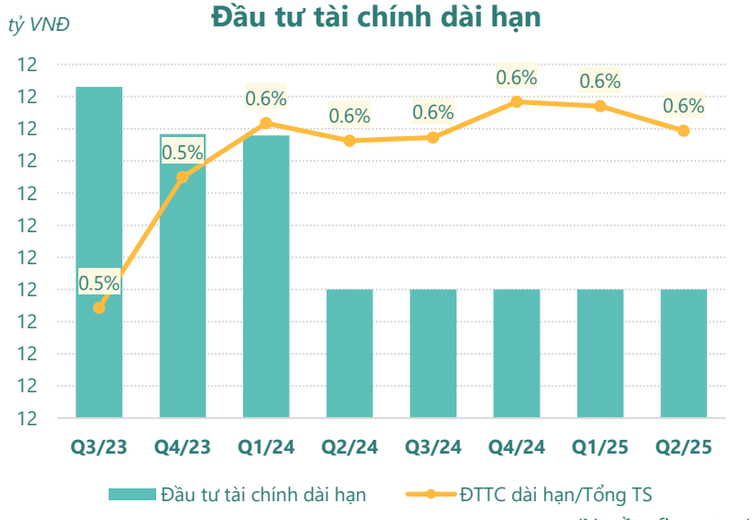
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



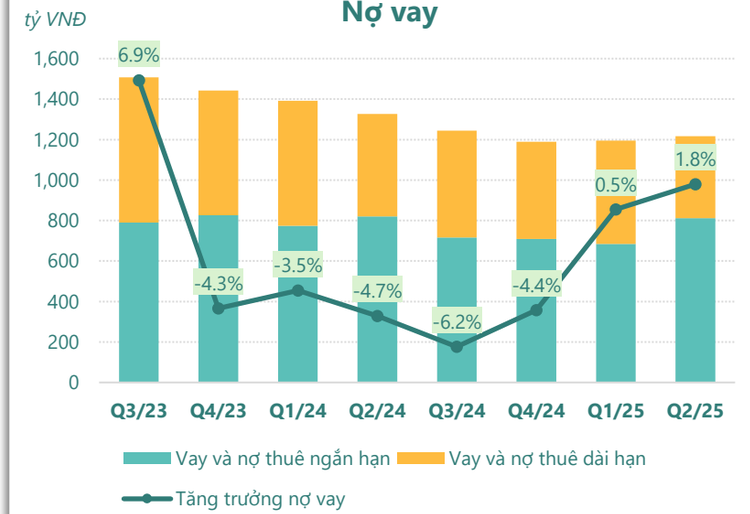
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

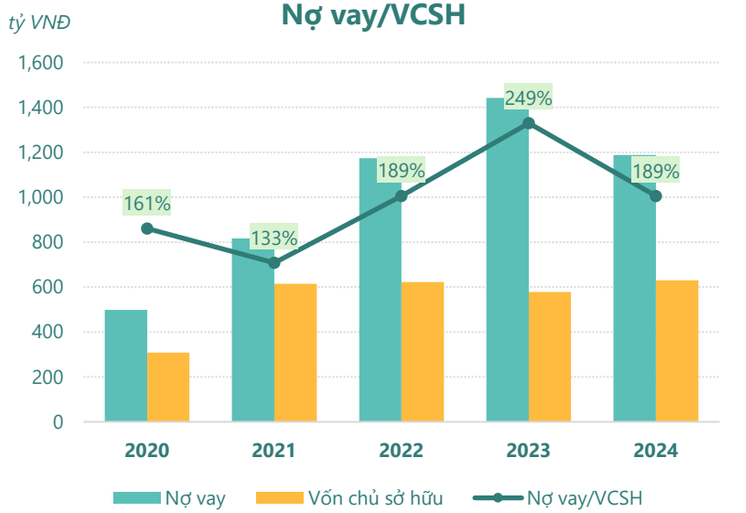
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

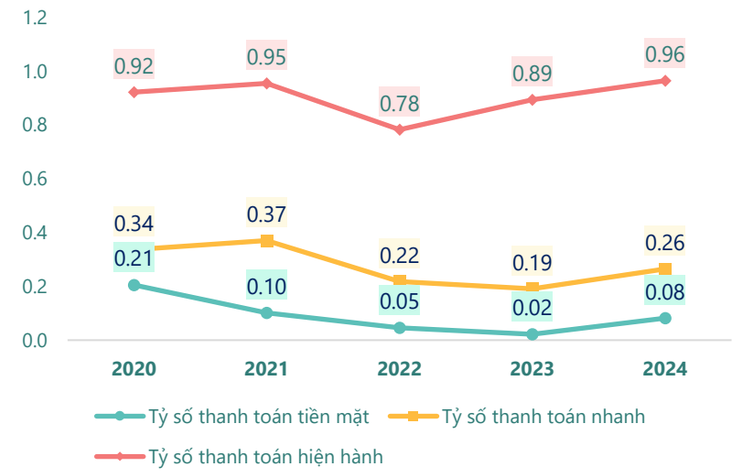
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



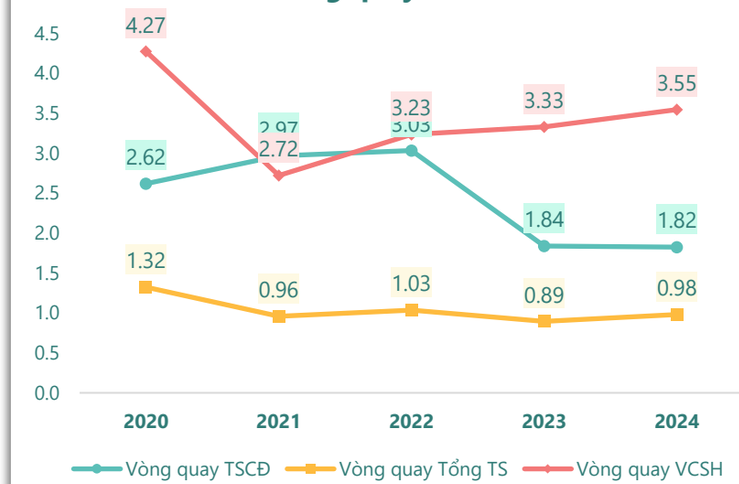
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



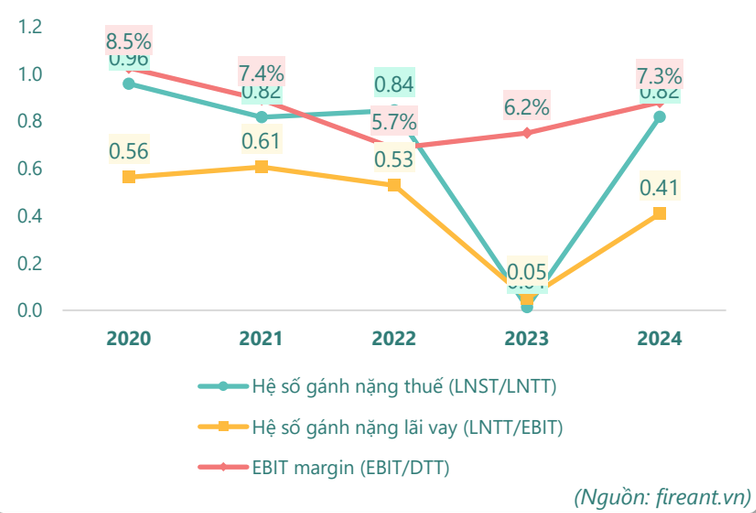
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



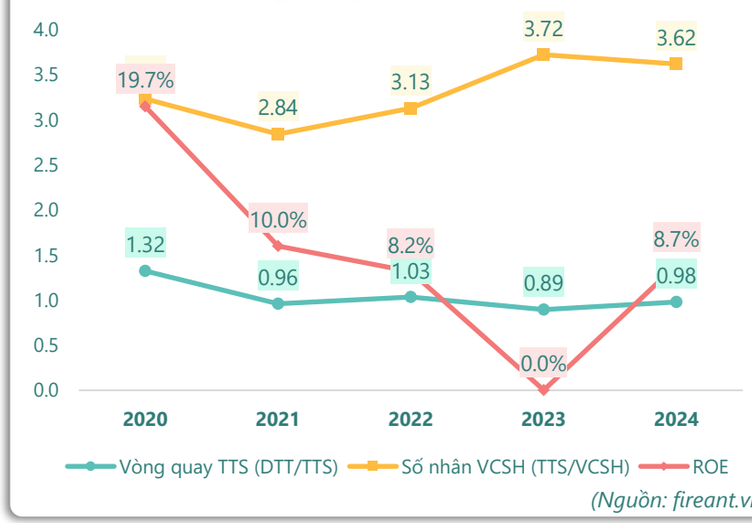
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



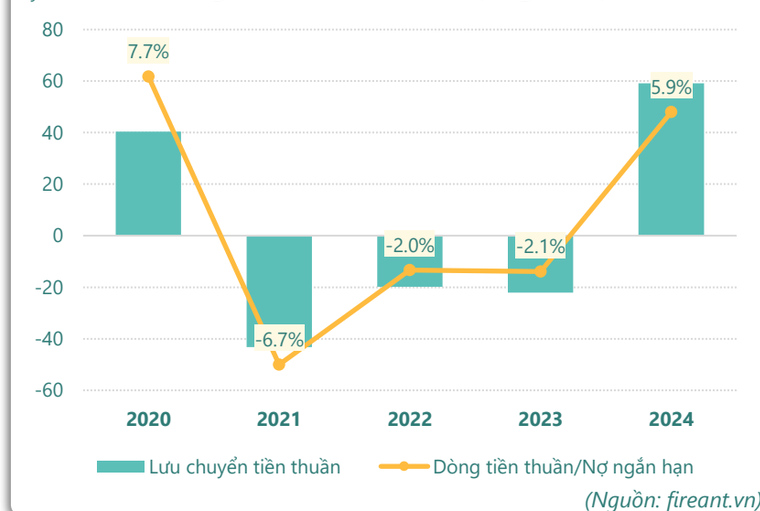
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**549**	**505**	**8.7%**	**923**	**884**	**4.4%**
Giá vốn hàng bán	488	458	6.6%	835	827	1.0%
Lợi nhuận gộp	60.5	47.4	27.6%	88.0	57.8	52.2%
Doanh thu HĐTC	0.24	0.02	1113%	0.43	0.02	1935%
Chi phí TC	22.6	21.7	4.2%	44.3	50.7	-12.6%
Chi phí lãi vay	21.6	22.9	-5.7%	42.8	48.8	-12.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.22	1.35	213%	12.3	8.10	51.5%
Chi phí QLDN	**5.96**	**4.24**	**40.5%**	**12.8**	**11.2**	**14.6%**
LN thuần từ HĐKD	27.9	20.1	39.0%	19.0	-12.2	256%
Lợi nhuận khác	**0.13**	**0.21**	**-36.0%**	**0.09**	**0.21**	**-58.3%**
LN trước thuế	28.1	20.3	38.3%	19.1	-12.0	260%
Lợi nhuận sau thuế	**24.2**	**20.3**	**19.4%**	**15.3**	**-12.0**	**228%**
LNST của CĐ cty mẹ	**24.2**	**20.3**	**19.4%**	**15.3**	**-12.0**	**228%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	44.7	64.1	102	130	-57.2	-30.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.22	-7.14	-2.67	-17.4	-1.32	-15.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-49.8	-65.5	-82.7	-55.0	6.50	20.7
Tiền đầu kỳ	23.2	16.9	8.36	24.7	82.4	30.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.31**	**-8.58**	**16.3**	**57.7**	**-52.0**	**-25.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0.00	0	-0.10
Tiền cuối kỳ	16.9	8.36	24.7	82.4	30.4	4.53

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,153**	**2,115**	**1.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,068	968	10.3%
Tiền và tương đương tiền	4.53	82.4	-94.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	67.8	64.6	5.0%
Hàng tồn kho	838	703	19.2%
Tài sản ngắn hạn khác	158	119	32.8%
Tài sản dài hạn	**1,085**	**1,147**	**-5.4%**
Phải thu dài hạn	8.59	5.94	44.6%
Tài sản cố định	1,022	1,104	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.7	0.04	42407%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.0	12.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**25.3**	**24.9**	**1.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,509	1,485	1.7%
Nợ ngắn hạn	**1,104**	**1,004**	**9.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	811	708	14.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	246	229	7.2%
Nợ dài hạn	406	481	-15.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	405	480	-15.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**643**	**631**	**2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**643**	**631**	**2.0%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)